

Số: 439 /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(kinh phí trợ giá sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống thủy sản và
kinh phí sản xuất, cung ứng sản phẩm thuốc HCG cho cá đẻ)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Thông báo số: 28/TB-BTC ngày 15/01/2021, 29/TB-BTC ngày 15/01/2021 của Bộ Tài chính thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019 (kinh phí trợ giá sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống thủy sản và kinh phí sản xuất, cung ứng sản phẩm thuốc HCG cho cá đẻ);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kinh phí trợ giá sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống thủy sản và kinh phí sản xuất, cung ứng sản phẩm thuốc HCG cho cá đẻ), chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KBNN TW;
- Lưu: VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiến

Phụ lục I:

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019
(kinh phí trợ giá sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống thủy sản)

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo	Số Bộ Tài chính thẩm định (Chương 012 Loại 280 Khoản 284 Tiểu mục 7201)	Chênh lệch
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3=2-l</i>
1	Kinh phí năm trước chuyển sang năm 2019:	0	0	0
2	Tổng dự toán được giao trong năm 2019:	21.100.000.000	21.100.000.000	0
	<i>Dự toán giao đầu năm:</i>	21.100.000.000	21.100.000.000	0
	<i>Bổ sung trong năm</i>	0	0	0
3	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm 2019:	21.100.000.000	21.100.000.000	0
4	Tổng số kinh phí đã cấp trong năm 2019:	21.042.823.000	21.042.823.000	0
5	Số kinh phí đủ điều kiện được quyết toán trong năm 2019:	21.042.823.000	21.042.823.000	0
6	Số kinh phí hủy tại cơ quan tài chính ngân sách:	57.177.000	57.177.000	0
7	Số kinh phí còn dư phải nộp lại ngân sách nhà nước:	0	0	0



Phụ lục II:

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019
(kinh phí sản xuất và cung ứng sản phẩm thuốc HCG cho cá đẻ)

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TC ngày
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo	Số Bộ Tài chính thẩm định (Chương 012 Loại 280 Khoản 284 Tiểu mục 7201)	Chênh lệch
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3=2-l</i>
1	Kinh phí năm trước chuyển sang năm 2019:	0	0	0
2	Tổng dự toán được giao trong năm 2019:	4.600.000.000	4.600.000.000	0
	<i>Dự toán giao đầu năm:</i>	4.600.000.000	4.600.000.000	0
	<i>Bổ sung trong năm</i>	0	0	0
3	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm 2019:	4.600.000.000	4.600.000.000	0
4	Tổng số kinh phí đã cấp trong năm 2019:	4.600.000.000	4.600.000.000	0
5	Số kinh phí đủ điều kiện được quyết toán trong năm 2019:	4.600.000.000	4.600.000.000	0
6	Số kinh phí hủy tại cơ quan tài chính ngân sách:	0	0	0
7	Số kinh phí còn dư phải nộp lại ngân sách nhà nước:	0	0	0

